

Vài nét về Thiên phái Trúc Lâm – Phật giáo Việt Nam

LÊ ĐÌNH PHỤNG^(*)

Phật giáo có vị trí đặc biệt trong đời sống tinh thần của cư dân Đông Nam Á nói chung và ở nước ta nói riêng. Theo một số tài liệu lịch sử, Phật giáo từ Ấn Độ theo đường biển du nhập vào nước ta, kết hợp với tín ngưỡng dân gian địa phương, ngay từ những thế kỉ đầu tiên đã hình thành nên một số trung tâm Phật giáo lớn trong đó có Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). Theo năm tháng, vai trò của Phật giáo ngày càng lan tỏa và trở thành tôn giáo giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân Việt. Nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam, các nhà nghiên cứu xác định Phật giáo ở Việt Nam buổi đầu có nhiều thiên phái khác nhau như: Vô Ngôn Thông; Tỳ Ni Đa Lưu Chi...⁽²⁾ và coi sáng tổ của thiền học Việt Nam là Khương Tăng Hội. Sự ảnh hưởng của Phật giáo trong mỗi thời kì lịch sử có khác nhau và ngày càng đóng vai trò quan trọng, đặc biệt trong buổi đầu dân tộc ta giành được độc lập, xây dựng nền tự chủ, vai trò của Phật giáo ngày càng được khẳng định trong đời sống xã hội và tinh thần. Dưới triều Đinh-Tiền Lê, Phật giáo được triều đình đề cao là một bộ phận gắn bó chặt chẽ với bộ máy quản lí nhà nước “Tăng thống Ngô Chân Lưu được được ban hiệu là Khuông Việt đại sư, Trương Ma Ni làm

tăng lực”⁽³⁾. Năm 987, sứ nhà Tống, Lý Giác sang; vua Lê Đại Hành đã sai nhà sư Pháp Thuận ra đón tiếp⁽⁴⁾. Nhưng cũng có thời, vai trò của Phật giáo ít được coi trọng. Vua Lê Long Đĩnh “róc mía trên đầu sư Quách Ngang, giả vờ lỡ tay làm đầu sư bị thương chảy máu rồi cả cười”⁽⁵⁾.

Lý Công Uẩn lên ngôi đã tạo nên một thời kì mới của Phật giáo Việt nam. Năm 1010 “độ dân làm sư”, nhiều chùa được xây dựng, đúc chuông, tô tượng là việc làm thường niên. Năm 1016 “độ cho hơn nghìn người ở kinh sư làm tăng đạo”. Đó là chưa kể đến các địa phương. Sư Vạn Hạnh được phong làm Quốc sư. Phật giáo đã chiếm vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam. *Từ Phật giáo mang tính chất quần chúng, sau nhiều sự thăng trầm đến giai đoạn này, Phật giáo đã mang tính chất dân tộc. Sự thắng thế*

*. Viện Khảo cổ học.

1. Tham khảo thêm:

- Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1971.

- Viện Triết học. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1998.

2. *Đại Việt sử kí toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, t.1, tr. 212-224.

3. *Đại Việt sử kí toàn thư*,... Sdd, t.1, tr. 212-224.

4. *Đại Việt sử kí toàn thư*,... Sdd, t.1, tr. 212-224.

5. *Đại Việt sử kí toàn thư*,... Sdd, t.1, tr. 236.

của Phật giáo thời Lý được thể hiện qua việc Lý Thái Tông được coi là đệ tử thứ 7 của Thiền phái Vô Ngôn Thông và hội tụ thăng hoa đỉnh cao là sự ra đời của Phật giáo cung đình - Thiền phái Thảo Đường. Năm 1069, Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành, trong số những tù binh bắt được đưa về Thăng Long có một nhà sư Trung Quốc. Là người hâm mộ đạo Phật, tiếp thu những giáo lý Phật giáo, Lý Thánh Tông đã đưa vị sư này về chùa Khai Quốc, phong làm Quốc sư, khai sinh ra phái Thảo Đường và tự mình trở thành thế hệ đầu của Thiền phái này. Ông là vị vua đầu tiên khai sáng ra một thiền phái của Phật giáo Hoàng gia. Thiền phái Thảo Đường duy trì được 5 thế hệ, trong đó có 2 vị vua tham gia (Lý Anh Tông thế hệ thứ ba; Lý Cao Tông thế hệ thứ năm) cùng nhiều vị quan lại đại thần trong triều như Tham chính Ngô Ích (thế hệ thứ hai); Thái phó Đỗ Anh Vũ (thế hệ thứ ba); Thái phó Đỗ Thường (thế hệ thứ tư) và Quân giáp Nguyễn Thúc (thế hệ thứ năm). Vị vua áp chót của triều Lý: Lý Huệ Tông cuối đời hoàn toàn dần thân vào Phật giáo. Năm 1224, “Mùa đông tháng 10, Vua xuất gia ở chùa Chân Giáo trong Đại Nội” và cuối đời tự tử cũng hỏa thiêu “chứa xương vào tháp chùa Bảo Quang” như một phật tử.

Có thể thấy Phật giáo là một trong những nguồn tạo nên triều Lý và cũng là nơi nung nấu cuối cùng cho vương triều này. Thiền phái Thảo Đường là Thiền phái Phật giáo hoàng gia đầu tiên trong các vương triều Việt Nam. Nhưng Thiền phái này chưa có sức lan tỏa, ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội tinh thần của cư dân mà chỉ bó hẹp trong hoàng gia và quan lại. Theo thống kê, Thiền phái

này có gần 20 nhà sư tu hành khá nổi tiếng trong giới Phật học Việt Nam thời nhà Lý⁽⁶⁾. Đây là bước chuẩn bị quan trọng để sau này vương triều Trần tiếp thu, hoàn thiện, lập nên Thiền phái Trúc Lâm trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Nguồn gốc của Thiền phái Trúc Lâm

Thiền phái Trúc Lâm, trước hết về tên gọi, cũng như Thiền phái Thảo Đường có nguồn gốc tên gọi từ vị sáng lập đầu tiên. Sau hai lần lãnh đạo chống quân xâm lược Nguyên-Mông thắng lợi, đất nước thanh bình: Bốn biển đã quang trần đã lặng (Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh), thế đất nước đã vững vàng; Non sông ngàn thuở vững âu vàng (Sơ hà thiên cổ vạn kim âu), Trần Nhân Tông nhường ngôi xuất gia đi tu. “Thượng hoàng xuất gia, tu ở ngọn Tử Tiêu, núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ”⁽⁷⁾. Theo nhiều nhà nghiên cứu cho biết, vị tổ khai sơn môn phái Yên tử là Hiện Quang Thiền sư - đệ tử của Thiền sư Thường Chiếu chùa Lục Tổ (Bắc Ninh), thế hệ thứ 12, thuộc Thiền phái Vô Ngôn Thông. Thiền sư Hiện Quang thuộc thế hệ thứ 14 (? - 1221). Ông là người Thăng Long, họ Lê tên Thuần, xuất gia từ năm 11 tuổi “chưa đầy 10 năm thông giỏi cả tam giáo”. Sau nhiều năm vân du thiên hạ, ông “bèn đến chỗ sâu trong núi Yên Tử kết am tranh mà ở”, “nương thân Phật đạo trong chốn núi rừng”⁽⁸⁾. Ông là người mở đầu cho môn phái Yên Tử. Đức vọng của ông lan tỏa đến tận kinh đô Thăng Long, vua Lý

6. Nguyễn Hào Hùng. *Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, t.1, tr. 104.

7. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, t.2, tr. 92.

8. *Thiền Uyển tập anh*, Nxb Văn học, H. 1990.

Huệ Tông nhiều lần đưa lễ vật đến mời về kinh, nhưng đều bị chối từ. Kế nghiệp Thiền sư Hiện Quang là Thiền sư Tĩnh Lự, hiệu là Phù Vân. Ông được vua Trần Thái Tông gọi là *Trúc Lâm Đại sa môn*, tôn xưng là quốc sư. Sau này khi xuất gia, Trần Nhân Tông tự xưng là *Trúc Lâm đại sĩ*, do vậy, thiền phái này có tên gọi là Trúc Lâm. Thiền phái Trúc Lâm lấy cơ sở của môn phái Phật giáo tại núi Yên Tử làm trung tâm, dưới sự bảo trợ của triều Trần dần lan tỏa ảnh hưởng.

Sự phát triển của Thiền phái Trúc Lâm

Nhà Trần vốn xuất thân “đời đời làm nghề đánh cá”⁽⁹⁾ ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường, sau những biến động cuối triều Lý, dần thu tóm quyền lực và thay thế triều Lý vào năm 1225. Từ xuất phát điểm “Nhà ta vốn là người hạ lưu”, để giành và củng cố quyền lực quản lý đất nước, triều Trần ngay từ buổi đầu đã dựa vào Phật giáo, lấy Yên Tử làm cơ sở của mình. Vị vua đầu tiên - Trần Thái Tông, có nhiều mối quan hệ chặt chẽ với môn phái này. Năm 1237, khi xảy ra mâu thuẫn hoàng tộc, Thái Tông “ban đêm ra khỏi kinh thành đến chỗ Quốc sư Phù Vân trên núi Yên Tử rồi ở lại đó”. Dù không thực hiện được ý nguyện, nhưng có thể coi đây là lần xuất gia đầu tiên của một vị vua triều Trần. Được sự chú trọng, quan tâm của hoàng gia, môn phái Yên Tử ngày càng phát triển. Đến đời Trần Nhân Tông (cháu nội Thái Tông), nơi đây trở thành trung tâm Phật giáo lớn, khai sáng nên một thiền phái Phật học mang đậm tính dân tộc - Thiền phái Trúc Lâm, đứng đầu là vị Tổ thứ nhất Trần Nhân Tông. Vua Trần Nhân Tông lên ngôi năm 1278, nhường ngôi năm 1293 “ở ngôi 14

năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngọa Vân núi Yên tử”⁽¹⁰⁾. Trần Nhân Tông xuất gia năm 1299, mất năm 1308. Trước khi xuất gia, ông đã có mối quan hệ chặt chẽ với Thiền phái Yên Tử; năm 1295, từ hành cung Vũ Lâm, ông đã lên Yên Tử; năm 1299, ông cho xây am Ngự Dược trên núi Yên Tử và tháng 8 năm 1299 “Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh”. Ông trở thành vị Tổ thứ 6 của phái Yên Tử và Tổ thứ nhất của phái Trúc Lâm. Dưới sự khuếch trương của Trúc Lâm Đại sĩ, sự bảo trợ của hoàng gia, Thiền phái Trúc Lâm đã trở thành trung tâm của Phật giáo thời Trần. Yên Tử trở thành trung tâm của Giáo hội mà Trần Nhân Tông được coi là Giáo chủ. Qua nhiều nguồn tư liệu để lại cho đến ngày nay được biết, Thiền phái Trúc Lâm có 3 vị tổ (Trúc Lâm tam tổ): Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang. Sau khi vị Tổ thứ 3, Huyền Quang, viên tịch năm 1334, ảnh hưởng của Thiền phái Trúc Lâm dần suy giảm. Đến thế kỷ XVII, Thiền sư Chân Nguyên mới phục hưng dần môn phái Trúc Lâm và duy trì cho đến ngày nay.

Những đóng góp của Thiền phái Trúc Lâm

Trong quá trình tồn tại, phát triển, Thiền phái Trúc Lâm đã có nhiều đóng góp vào văn hóa dân tộc. Trước hết, Thiền phái Trúc Lâm là Thiền phái Phật giáo hoàng gia, đây chính là điều kiện tiên quyết để thiền phái này hội tụ và phát triển. Đạo Phật nước ta có mặt trong cộng

9. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, t.2, tr. 16.

10. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, t.2, tr. 44.

đồng cư dân khá sớm với nhiều thiền phái khác nhau. Sự ảnh hưởng của các thiền phái thể hiện khác nhau qua hệ tư tưởng. Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi mang đậm sắc thái văn hóa của Phật giáo Ấn Độ; Thiền phái Vô Ngôn Thông mang đậm sắc thái văn hóa Trung Hoa. Hệ tư tưởng hai thiền phái này đều không thỏa mãn nhu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong thời kì độc lập tự chủ của dân tộc. Chính vì thế, trước yêu cầu cần quản lí đất nước và xây dựng một hệ tư tưởng độc lập cho nhà nước Đại Việt, các vua Lý đã góp phần khai lập nên một thiền phái mới - Thiền phái Thảo đường. Đây là thiền phái dung hợp hai yếu tố Nho giáo và Phật giáo. Cùng với việc khuyến học, sử dụng Nho giáo vào quản lí đất nước (năm 1070 lập Văn miếu thờ Khổng Tử, cho Hoàng Thái tử đến học; năm 1075 tuyển Minh Kinh bác học và thi nho học Tam trường, năm 1077 thi viên lại bằng phép viết chữ, phép tính và hình luật, v.v...) thì việc bổ dụng các vị cao tăng cũng đề cao Phật giáo - năm 1088 phong nhà sư Khô Đầu làm quốc sư, cho quan văn chức cao kiêm làm Đề cử để quản lí ruộng đất và tài sản nhà chùa. Phật giáo từng bước hòa nhập vào chính quyền, các quan lại vừa quản lí chính quyền vừa là phật tử, trở thành hậu thuẫn quan trọng cho vương triều.

Từ nền tảng ban đầu, nhà Trần tiếp tục xây dựng và phát triển nên hệ thống tư tưởng độc lập dân tộc thể hiện qua Thiền phái Trúc Lâm. Trong điều kiện vua là người sáng lập nên Thiền phái nên số hoàng thân quốc thích tham gia khá đông đảo. Có thể kể một số vị thuộc Hoàng gia như: Hưng Ninh vương- Tuệ Trung Thượng sĩ; Văn Huệ vương Trần

Quang Triều; Tuyên Chân công chúa. Lệ Bảo công chúa, v.v. Tiếp theo là vương công quý tộc, quan lại mà đỉnh cao là Huyền Quang đã từng đỗ tiến sĩ làm quan rồi xuất gia đi tu thành vị Tổ thứ ba. Phong trào gia nhập Thiền phái Trúc Lâm phát triển mạnh mẽ. Theo ước tính vào thời kì thịnh có đến gần 30.000 tăng sĩ. Sức lan tỏa của Phật giáo Trúc Lâm đến nỗi nho gia Lê Bá Quát viết "Trên từ vương công dưới đến thứ dân, hễ nói đến việc bố thí cúng dường vào Phật sự thì dù hết tiền của cũng không tiếc... Hễ chỗ nào có nhà ở thì có chùa Phật..."; hay sau này Nguyễn Dữ cũng nhận xét ở Đông Triều chùa "... dựng nhan nhản khắp nơi, những người cắt tóc làm tăng ni nhiều bằng nửa số dân thường...".

Là Phật giáo hoàng gia, được sự quan tâm bảo trợ của chính quyền, các cơ sở của Trúc Lâm có sự bùng nổ mạnh mẽ cả về số lượng và quy mô. Theo thống kê vào thời Trần, nước ta có khoảng 9.500 ngôi chùa¹¹. Riêng phái Trúc Lâm với Yên Tử (chùa Hoa Yên) là trung tâm, cơ sở chính là các chùa Quỳnh Lâm - Côn Sơn (Hải Dương), Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang), Báo Ân (Bắc Ninh xưa) và hàng trăm chùa khác hình thành nên tuyến Phật giáo chủ đạo từ Thăng Long đến Yên Tử. Tư liệu lịch sử cho biết, riêng Pháp Loa - Tổ thứ hai, cho xây dựng đến 200 chùa, đúc hơn 1.300 tượng Phật bằng đồng lớn nhỏ. Chùa Quỳnh Lâm có đến hơn 1.000 mẫu ruộng và hơn 1.000 người để canh tác. Các chùa Siêu Loại, Báo Ân cũng có tình trạng tương tự. Số ruộng đất này đa phần

11. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, ... Sdd, tr. 453.

do hoàng gia nhà Trần cung tiến¹². Thiền phái Trúc Lâm cực thịnh về nhân lực và tài lực, trở thành hậu thuẫn cho vương triều và phát triển thành một Thiền phái Phật giáo có tính nhà nước, tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, có cơ sở vật chất, giáo luật hoàn chỉnh. Cùng với sự phát triển của Phật giáo, Nho giáo cũng được nhà Trần chú trọng, các kì thi tuyển chọn nhân tài Nho giáo được tổ chức làm nguồn bổ sung quan lại quản lí xã hội. Dù Nho hay Phật vẫn nằm dưới sự quản lí chung của vương triều. Vương triều điều hòa sự hòa nhập giữa Nho và Phật, tạo nên hai nguồn lực cơ bản cho sức mạnh chung của dân tộc: quản lí hành chính và quản lí tư tưởng.

Sự bảo trợ của hoàng gia với một Thiền phái Phật giáo tạo nên sự hưng thịnh nhưng cũng là nguyên nhân dẫn tới sự suy vong. Do được ưu ái, tạo mọi điều kiện để phát triển, sự tham gia ào ạt của mọi tầng lớp cư dân, sự bùng nổ số lượng nhân lực và cơ sở vật chất dẫn đến "Giáo hội" không kiểm soát được. Sau năm 1330, khi Tổ thứ 3 của phái Trúc Lâm, Huyền Quang, mất thì Trúc Lâm dần đi vào suy vong. Là thiền phái phát triển dưới sự bảo trợ của hoàng gia nên khi sự ủng hộ kém dần thì vai trò cũng dần mờ nhạt. Năm 1396, Trần Thuận Tông "xuống chiếu sa thải các tăng đạo chưa đến 50 tuổi trở xuống, bắt phải hoàn tục". Năm 1399, "Quý Ly cưỡng bức vua xuất gia thờ Đạo giáo, ra ở quán Ngọc Thanh thôn Đạm Thủy" (Đông Triều); tự nhận là Thái thượng Nguyên quân Hoàng Đế. Năm 1400, Hồ Quý Ly cướp ngôi, triều Trần kết thúc thì vai trò của Thiền phái Trúc Lâm cũng dần mờ nhạt.

Như vậy, triều Trần (1226 -1400), mở đầu bằng vị vua sùng đạo Phật (Trần Thái Tông), kết thúc bằng vị vua theo Đạo giáo (Trần Thuận Tông); nổi bật lên là vị vua Phật giáo (Trần Nhân Tông) sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm. Nếu lấy mốc năm 1299, Trần Nhân Tông xuất gia lập nên Thiền phái Trúc Lâm đến năm 1400 nhà Trần mất vai trò lịch sử thì Thiền phái này tồn tại khoảng một thế kỉ. Trong một thế kỉ trị vì của nhà Trần, giai đoạn này về cơ bản là xã hội thanh bình, không có một cuộc chiến tranh xâm lược nào can thiệp. Một thế kỉ của Trúc Lâm gắn với sự thịnh suy của vương triều này. Trúc Lâm ra đời sau thắng lợi vang dội của cuộc kháng chiến đánh thắng quân Nguyên - Mông. Âm hưởng hào hùng của cuộc chiến gắn với vương triều Trần, nhà Trần đủ uy và lực để lập nên một thiền phái đạo Phật làm ngọn cờ tư tưởng cho dân tộc và vương triều. Thực tế, tư tưởng của Thiền phái này ngoài nâng cao ý thức độc lập dân tộc thì cũng là hệ tư tưởng bảo vệ quyền lợi của vương triều sáng lập ra. Các cơ sở của Trúc Lâm thực ra cũng là một hình thức "diễn trang thái ấp" nấp dưới vỏ tôn giáo. Khi hình thái kinh tế này bộc lộ những hạn chế của nó dẫn đến việc cải cách của Hồ Quý Ly thì ngoài việc phá vỡ diễn trang thái ấp của vương công quý tộc, các cơ sở tôn giáo này cũng lâm vào tình trạng tương tự. Sự mất vai trò của quý tộc nhà Trần, dẫn đến sự suy giảm của Thiền phái. Điều khác biệt là khi vương triều này sụp đổ thì hệ tư tưởng ấy vẫn tồn tại mãi với thời gian cho đến ngày hôm nay trong đời sống tinh thần của người dân đương đại.

12. Tham khảo thêm: Nguyễn Tài Thư, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1989.

Vậy, Thiền phái Trúc Lâm mang đặc trưng gì trong đạo Phật Việt Nam?

- Thiền phái Trúc Lâm là sự kế thừa, kết tinh của tinh thần Phật giáo Việt Nam, từ Thiền phái Vô Ngôn Thông, mà trực tiếp là môn phái Yên Tử. Sự xuất hiện của môn phái Phật giáo “Hoàng gia” là sự kế thừa nhiều yếu tố thiền từ Thiền phái Thảo Đường nhà Lý. Thiền phái Trúc Lâm ra đời là sự tiếp nối, nhất thống, mở đầu cho sự kết hợp giữa chính quyền và tôn giáo có tổ chức.

- Thiền phái Trúc Lâm là thiền phái do người đứng đầu chính quyền sáng lập. Lần đầu tiên Phật giáo Việt nam có một tổ chức thống nhất từ Trung ương đến địa phương, có cơ sở vật chất, tăng ni hùng hậu giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội và tinh thần của dân tộc.

- Trong quá trình tồn tại và phát triển, Thiền phái Trúc Lâm đã xây dựng nên hệ tư tưởng mang bản sắc riêng của Phật giáo Việt Nam, đó là sự kết hợp hài hòa giữa các hệ tư tưởng xã hội (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo) mang tinh thần dân tộc và vì dân tộc. Xây dựng và bồi đắp hệ tư tưởng độc lập của dân tộc có hệ thống là nền tảng tư tưởng để xây dựng một triều đại phát triển.

- Sự kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền quản lý xã hội với Phật giáo đã đưa Phật giáo nhập thế, tăng cường sự đoàn kết toàn dân tạo nên sức mạnh cho dân tộc.

Từ tinh thần độc lập dân tộc được Thiền phái Trúc Lâm xây dựng bồi đắp,

kết hợp với sự vững mạnh của chính quyền đã tạo nên cơ sở vật chất và tinh thần cho quân dân Đại Việt 3 lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên - Mông vào thế kỉ XIII. Đây chính là sự đóng góp của Thiền phái Trúc Lâm trong lịch sử Việt Nam.

Do những biến động của xã hội, sau khi nhà Trần mất vai trò lịch sử, sự ủng hộ của hoàng gia dần ít đi là một trong những nguyên nhân dẫn đến Thiền phái Trúc Lâm giảm sút. Mặc dù nhà Trần suy vong nhưng tư tưởng và những đóng góp của Thiền phái Trúc Lâm vẫn tồn tại và sau này khi có điều kiện lại tiếp tục phục hưng phát triển. Vào thế kỉ XVII - XVIII, khi được sự quan tâm của tầng lớp quản lý xã hội thời Lê-Trịnh, hàng loạt các ngôi chùa “cứ điểm” của Trúc Lâm xưa được trùng tu, tôn tạo lại với quy mô lớn hơn, khang trang hơn như Quỳnh Lâm, Côn Sơn, Báo Ân. Hệ tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm lại có điều kiện toả sáng trong đời sống người dân đến nỗi vào thế kỉ XVIII, Nguyễn Dữ đã nhận xét “...ở Đông Triều, chùa dựng nhan nhản khắp nơi, những người cắt tóc làm tăng ni nhiều bằng nửa số dân thường...”. Hệ tư tưởng này còn tiếp tục lan toả xuống phía nam, theo chân người Việt “đi mở cõi”. Nhiều dòng Trúc Lâm với các cơ sở Phật giáo được xây dựng ở Quảng Nam, Bình Định, Lâm Đồng.... Đó chính là sức sống của Phật giáo nói chung và của Thiền phái Trúc Lâm nói riêng trong đời sống tinh thần người dân Việt./.